

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

đã được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5-6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7-52
Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7-10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2020	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2020	12-13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020	14-52

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107795944 ngày 07 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 11 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 11 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 3 năm 2021.

*Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 11: 500.000.000.000 đồng.*

### Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại : 0766 074 787  
Mã số thuế : 0107795944

### Tình hình tài chính tổng hợp và hoạt động kinh doanh tổng hợp

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 52).

### Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Phan Ngọc Ân	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 02/03/2021
Bà Bùi Hương Giang	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 21/7/2020 và Miễn nhiệm ngày 02/3/2021
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/7/2020
Bà Đỗ Thị Thùy Dung	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 21/7/2020
Ông Bùi Quang Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/03/2021
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/03/2021
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/7/2017
Bà Vũ Thị Thùy Dung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/3/2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Thanh Hải	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 02/3/2021
Bà Dương Thị Hồng Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/3/2021
Ông Nguyễn Quốc Văn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/3/2021

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Bùi Hương Giang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/7/2020
Ông Phan Ngọc Ân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/7/2020
Bà Đỗ Thị Thùy Dung	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/7/2020
Ông Nguyễn Bá Vinh	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/7/2020

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**



**Bùi Hương Giang**

334  
N  
H  
M  
T  
A  
799  
IG  
PH  
NC  
AI  
TN  
OH

Số : 1112.01.02/2020/BCTC- NVT2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2021 từ trang 07 đến trang 52, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Trụ Sở Chính:**

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntv.vn [E] vpa@ntv.vn

#### **Chi nhánh tại Hà Nội:**

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

#### **Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính năm 2019 do chúng tôi thực hiện kiểm toán. Chúng tôi đã phát hành Báo cáo kiểm toán số 1712.02/2019/BCTC-NVT2 ngày 30 tháng 3 năm 2020 có dạng ý kiến chấp nhận toàn phần. Năm 2020, Công ty thực hiện phân loại lại một số chỉ tiêu số liệu so sánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Xem thuyết minh số VIII.5)

Vấn đề này không ảnh hưởng đến ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

*Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

**Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**Nguyễn Thị Hạnh**

GCNDKHNTK số: 1690-2018-124-1

**Phạm Văn Tuấn**

GCNDKHNTK số: 4497-2018-124-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>4.655.809.118.725</b>	<b>6.036.290.815.466</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>7.411.278.258</b>	<b>29.482.879.719</b>
1. Tiền	111		7.411.278.258	29.482.879.719
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>14.000.000.000</b>	<b>11.130.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	14.000.000.000	11.130.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.641.698.049.923</b>	<b>5.088.527.426.607</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	3.513.015.978.086	5.071.731.428.383
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	12.620.262.827	13.657.630.371
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	69.733.606.034	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	46.241.544.974	3.051.709.736
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		86.658.002	86.658.117
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>988.720.909.873</b>	<b>906.937.193.285</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	988.720.909.873	906.937.193.285
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.978.880.671</b>	<b>213.315.855</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.978.880.671	125.086.541
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	88.229.314
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>546.192.441.455</b>	<b>301.439.541.719</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>87.745.367.223</b>	<b>84.969.400.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	21.275.967.223	17.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	66.469.400.000	67.969.400.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>101.202.624.871</b>	<b>45.054.464.627</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	100.863.770.431	44.633.619.507
<i>Nguyên giá</i>	222		121.486.524.848	52.956.736.860
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(20.622.754.417)	(8.323.117.353)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	338.854.440	420.845.120
<i>Nguyên giá</i>	228		691.676.000	622.750.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(352.821.560)	(201.904.880)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>15.175.990.712</b>	<b>15.175.990.712</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		15.175.990.712	15.175.990.712
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>106.902.832.119</b>	<b>111.473.100.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	106.902.832.119	111.473.100.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2b</b>	<b>162.775.373.155</b>	<b>14.983.824.894</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		130.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		34.624.187.416	14.983.824.894
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.848.814.261)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>72.390.253.375</b>	<b>29.782.761.486</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	72.390.253.375	29.782.761.486
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>5.202.001.560.180</b>	<b>6.337.730.357.185</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.636.295.316.380</b>	<b>6.217.968.736.522</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.636.295.316.380</b>	<b>5.966.522.553.367</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	4.527.398.385.111	4.104.526.041.161
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	48.988.880.825	272.205.103
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	11.632.695.526	12.133.509.636
4. Phải trả người lao động	314		1.504.428.392	995.131.249
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.631.818.604	4.105.650.887
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	12.439.107.922	167.146.142
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	32.700.000.000	1.844.322.869.189
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>251.446.183.155</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	-	191.596.183.155
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	-	59.850.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

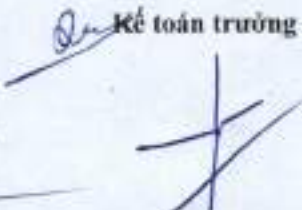
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>565.706.243.800</b>	<b>119.761.620.663</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>565.706.243.800</b>	<b>119.761.620.663</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.706.243.800	19.761.620.663
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19.761.620.663	6.801.415.924
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45.944.623.137	12.960.204.739
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>5.202.001.560.180</b>	<b>6.337.730.357.185</b>

Người lập biểu



Trần Quốc Đạt

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Lập ngày 30 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Bùi Hương Giang

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	12.840.447.414.071	17.288.066.682.842
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL2	32.092.635	2.727.304
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		12.840.415.321.436	17.288.063.955.538
4. Giá vốn hàng bán	11	VL3	12.647.310.218.768	17.092.369.759.761
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		193.105.102.668	195.694.195.777
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL4	4.071.693.624	6.607.067.006
7. Chi phí tài chính	22	VL5	118.151.609.243	180.134.517.498
Trong đó: chi phí lãi vay	23		112.128.081.229	174.158.583.403
8. Chi phí bán hàng	25	VL6	1.478.988.717	1.274.944.944
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL7	14.255.536.258	7.512.319.491
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		63.290.662.074	13.379.480.850
11. Thu nhập khác	31	VL8	1.015.767.945	4.712.202.149
12. Chi phí khác	32	VL9	6.246.829.069	1.891.427.076
13. Lợi nhuận khác	40		(5.231.061.124)	2.820.775.073
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		58.059.600.950	16.200.255.923
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VL10	12.114.977.813	3.240.051.184
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45.944.623.137	12.960.204.739

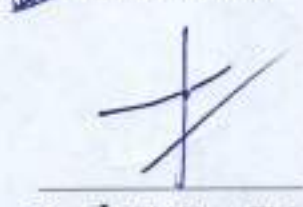
Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu



Trần Quốc Đạt

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Thúy



Bùi Hương Giang

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	58.059.600.950	16.200.255.923
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	13.853.980.138	6.360.043.322
- Các khoản dự phòng	03	1.848.814.261	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	721.935.013,9
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	2.563.098.277	(6.296.012.242)
- Chi phí lãi vay	06	112.128.081.229	174.158.583.403
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	188.453.574.855	191.144.805.419
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.551.689.937.093	(2.037.393.497.357)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(101.424.079.110)	(505.360.617.455)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	274.520.367.815	2.399.906.646.165
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(48.148.078.453)	4.446.879.915,9
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(116.233.732.116)	(170.052.932.516)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.722.333.471)	(1.700.353.981)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	111.473.100.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(111.473.100.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.856.608.756.613</b>	<b>(230.482.169.810)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(183.550.342.573)	(19.786.329.911)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2.375.096.764	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(109.615.406.034)	(106.489.261.118)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	32.735.832.777	164.394.725.318
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(151.555.131.513)	(9.066.641.909)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.402.461.694	9.235.077.048
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(407.207.488.885)</b>	<b>38.287.569.428</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

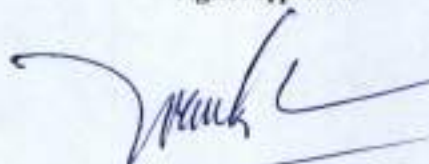
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		400.000.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.096.251.555.272	3.106.491.125.477
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.967.724.424.461)	(2.890.858.141.389)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<b>(1.471.472.869.189)</b>	<b>215.632.984.088</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(22.071.601.461)	23.438.383.706
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	29.482.879.719	6.044.496.013
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<b>7.411.278.258</b>	<b>29.482.879.719</b>

Người lập biểu



Trần Quốc Đạt

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Lập ngày 30 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Bùi Hương Giang

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
Năm 2020****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Chăn nuôi, Thương mại, sản xuất, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :  
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm gồm:  
+ Buôn bán hàng nông sản: ngô, lúa mỳ, khô đậu tương...  
+ Chăn nuôi hỗn hợp  
+ Sản xuất thức ăn chăn nuôi (cám)
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**  
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng

**5. Cấu trúc Công ty****Công ty con**

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Thôn Kinh tế 2, Xã Eatrol, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc	Thôn Jang Pông, Xã Ea Huar, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn Nuôi Minh Thành	Tổ 3, Ấp Thạnh Trung, Xã Thạnh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh	Khu phố 2, Thị trấn Tân Biên, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	Khu phố 2, Thị trấn Tân Biên, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%

## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

<b>Công ty liên doanh</b>				
Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Myanmar BAF Joint Venture Company Limited	Plot No. B-1,2,3,4,65,66,67,68, Kwin No. 511-Kha and 519-Ka, Nyaung Napin Tract, Vegetable Production and Chicken Livestock Special Zone-I, Hmawbi Township, Yangon, Myanmar	Chăn nuôi	21,47%	21,47%

### Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Thửa đất số 465, tờ bản đồ số 101, khu phố Đông, Phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. MST: 0107795944-001
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Nghệ An (Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)	Khu C, KCN Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam MST: 0107795944-003
Địa điểm kinh doanh 04 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (Chi nhánh tạm ngừng hoạt động)	Áp 04 - Xã Hòa Hội - Huyện Xuyên Mộc - Bà Rịa - Vũng Tàu. MST: 0107795944-002

5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**  
Số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2019.
6. **Nhân viên**  
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 360 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 252 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

#### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tin phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

##### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết*

###### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó

## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

#### *Công ty liên doanh*

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Heo nọc, Heo nái*

Bao gồm các chi phí phát sinh liên quan heo nọc, heo nái cho đến khi heo đủ điều kiện phối giống, chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi Heo được đưa vào phối giống

Khi heo chết, dịch bệnh toàn bộ chi phí trả trước sẽ được phân bổ vào giá vốn trong năm.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	03 – 10
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác (Heo)	04

## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### 9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### *Nhãn hiệu, tên thương mại*

Nguyên giá của nhãn hiệu là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm nhận diện thương hiệu cơ bản được hoàn thành. Nhãn hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 13. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

---

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### 14. **Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### 15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### *a) Doanh thu bán hàng, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

##### *b) Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 17. **Giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

#### 18. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 20. Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

##### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

##### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

##### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

##### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### 21. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

**Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## 23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	62.629.187	7.403.925.281
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.348.649.071	22.078.954.438
<b>Cộng</b>	<b>7.411.278.258</b>	<b>29.482.879.719</b>

**2. Đầu tư tài chính****a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	14.000.000.000	14.000.000.000	11.130.000.000	11.130.000.000
<i>Ngân hàng SHB - CN Trung Hòa Nhân Chính (*)</i>	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hồ Chí Minh (**)</i>	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển</i>	-	-	1.800.000.000	1.800.000.000
<i>Ngân hàng SHB - CN Hàng Trống</i>	-	-	9.330.000.000	9.330.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.000.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>	<b>11.130.000.000</b>	<b>11.130.000.000</b>

(\*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn lãi cuối kỳ số 0004/310820/HDTG/SHB.130102 ngày 31/8/2020. Số tiền gửi 4.000.000.000 VND, thời hạn gửi tiền 3 tháng. Lãi suất tiền gửi 3,5%/năm. Hợp đồng tiền gửi tự động tái tục với kỳ hạn gửi ban đầu.

(\*\*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 011220/HDTG.TAL/TPB-BAF ngày 15/12/2020. Số tiền gửi 10.000.000.000 VND, kỳ hạn đầu tiên 12 tháng. Lãi suất tiền gửi 5,75%/năm

**b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>(1.848.814.261)</b>	-	-
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên (1)	50.000.000.000	(1.239.608)	-	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc (2)	20.000.000.000	(1.163.959.696)	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ DV Chăn Nuôi Minh Thành (3)	20.000.000.000	(683.614.957)	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh (4)	20.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh (5)	20.000.000.000	-	-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh</b>	<b>34.624.187.416</b>	-	<b>14.983.824.894</b>	-
Myanmar BAF Joint Venture Company Limited (6)	34.624.187.416	-	14.983.824.894	-
<b>Cộng</b>	<b>164.624.187.416</b>	<b>(1.848.814.261)</b>	<b>14.983.824.894</b>	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

(1) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 4401054144 cấp lần đầu ngày 04 tháng 9 năm 2019, thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 12 năm 2020. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên. Hiện tại, Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên đang triển khai xây dựng dự án đầu tư nuôi heo nái sinh sản theo Quyết định chủ trương đầu tư số: 1434/QĐ-UBND do UBND tỉnh Phú Yên cấp ngày 12/09/2019.

(2) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 6001623576 cấp lần đầu ngày 06 tháng 9 năm 2018, thay đổi lần thứ 8 ngày 30 tháng 12 năm 2020. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc. Hiện tại Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc đang triển khai xây dựng dự án đầu tư trang trại chăn nuôi lợn thịt theo Quyết định chủ trương đầu tư số: 3322/QĐ-UBND do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/12/2018 và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số: 261/QĐ-UBND do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/02/2020.

(3) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn Nuôi Minh Thành theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 3901206435 cấp lần đầu ngày 25 tháng 6 năm 2015, thay đổi lần thứ 9 ngày 25 tháng 01 năm 2021. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn Nuôi Minh Thành. Trong đó Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam đứng tên 98% vốn góp và Ủy quyền cho Ông Phạm Ngọc Ân đứng đại diện 2% vốn góp. Hiện tại, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn Nuôi Minh Thành đang vận hành trang trại nuôi heo thịt theo Quyết định chủ trương đầu tư số: 1982/QĐ-UBND do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 27/07/2016 và trang trại nuôi lợn Nái theo Quyết định chủ trương đầu tư số: 3139/QĐ-UBND do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 30/12/2015.

(4) Khoản đầu tư Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 3901293928 cấp lần đầu ngày 09 tháng 1 năm 2020, thay đổi lần thứ 01 ngày 01 tháng 12 năm 2020. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh. Trong đó Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam đứng tên 98% vốn góp và Ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy đứng đại diện 2% vốn góp. Hiện tại, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh đang triển khai xây dựng dự án đầu tư trang trại chăn nuôi heo nái và heo thịt theo Quyết định chủ trương đầu tư số: 1589/QĐ-UBND do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 27/07/2020 và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số: 2656/QĐ-UBND do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29/10/2020.

(5) Khoản đầu tư Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 3901299905 cấp lần đầu ngày 26 tháng 6 năm 2020, thay đổi lần thứ 01 ngày 04 tháng 12 năm 2020. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh. Trong đó Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam đứng tên 98% vốn góp và Ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy đứng đại diện 2% vốn góp. Hiện tại, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh đang triển khai xây dựng dự án đầu tư trang trại chăn nuôi heo nái đê theo Quyết định chủ trương đầu tư số: 2654/QĐ-UBND do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29/10/2020.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

(6) Khoản góp vốn liên doanh với Myanmar BAF Feed Farm Food Co., Ltd và Viet Agro Pte Ltd để thành lập công ty liên doanh MYANMAR BAF JOINT VENTURE COMPANY LIMITED. Theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài đăng ký điều chỉnh lần thứ 01 số 201800466 ngày 13/8/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam đầu tư ra nước ngoài với số tiền 2.246.800 USD, trong đó: bằng tiền mặt: 466.816,15 USD; bằng giá trị máy móc thiết bị: 179.983,15 USD; và bằng hàng hóa: 1.600.000 USD. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã đầu tư bằng tiền mặt: 466.816,15 USD; bằng giá trị máy móc thiết bị: 179.983,15 USD, bằng hàng hóa: 847.899 USD tương đương 34.624.187.416 VND. Tương ứng với tỷ lệ góp vốn tại ngày 31/12/2020 là 21,47%.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>3.513.015.978.086</b>	<b>5.071.731.428.383</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	257.584.809.315	920.308.553.971
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thăng	-	213.935.613.665
Công ty TNHH Thương Mại Hoàng Giang	249.531.747.682	864.531.866.552
Công ty TNHH Thương mại Nông Lâm Vạn Thành Long	-	187.027.475.101
Công ty Cổ phần Thăng Hoa	196.612.812.480	813.737.923.305
Công ty TNHH Nông Nghiệp T&T	141.609.380.000	-
Công Ty Cổ Phần Việt Phi	184.068.554.050	-
Công ty Cổ phần OTE Group	579.479.450.400	-
Công ty TNHH Phát Triển Dịch Vụ Thương Mại Bình Tân	117.651.856.080	-
Công ty Cổ phần Nông sản BenLin	347.733.597.900	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàn Kiếm	297.576.647.322	604.828.967.049
Công ty TNHH Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Ngọc Hồi	179.799.452.686	590.599.452.686
Công ty TNHH đầu tư kinh doanh Nhật Tân	196.136.780.540	302.293.078.500
Công ty cổ phần Nông Sản BIVC Quốc Tế	44.975.327.100	74.958.455.000
Công ty Cổ phần Càng Rau quả	191.975.378.000	85.968.876.180
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Rau quả I	321.471.759.020	337.313.961.040
Các khách hàng khác	206.808.425.511	76.227.205.334
<b>Cộng</b>	<b><u>3.513.015.978.086</u></b>	<b><u>5.071.731.428.383</u></b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>12.620.262.827</b>	<b>13.657.630.371</b>
Công ty TNHH TMDV cơ khí ô tô Liên Tựu	2.295.811.000	-
Công ty TNHH TMDV Thái Sơn Thư	-	2.619.000.000
Công ty Cổ Phần HUM	-	9.052.264.593
Các nhà cung cấp khác	10.324.451.827	1.986.365.778
<b>Cộng</b>	<b><u>12.620.262.827</u></b>	<b><u>13.657.630.371</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay****a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>65.353.606.034</b>	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn Nuôi Minh Thành (1)	46.898.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc (2)	14.255.606.034	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh (3)	2.400.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh (4)	1.800.000.000	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>4.380.000.000</b>	-	-	-
Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1 (5)	1.440.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 2 (6)	1.140.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Chăn Nuôi Nam An Khánh (7)	1.800.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>69.733.606.034</b>	-	-	-

(1): Khoản cho vay Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn Nuôi Minh Thành (Công ty con) theo hợp đồng vay ngày 22/07/2020. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay: 8%/năm. Mục đích vay: Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn Nuôi Minh Thành.

(2): Khoản cho vay Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc (Công ty con) theo hợp đồng vay ngày 15/06/2020. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay: 8%/năm. Mục đích vay: Nâng cấp mở rộng đầu tư hệ thống thiết bị hiện đại và đầu tư con giống đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc.

(3): Khoản cho vay Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh (Công ty con) theo hợp đồng vay ngày 31/12/2020. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay: 0%. Mục đích vay: Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư xây dựng trang trại nuôi heo mô hình trại lạnh khép kín theo Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số: 2656/QĐ-UBND tỉnh Tây Ninh ngày 29/10/2020.

(4): Khoản cho vay Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh (Công ty con) theo hợp đồng vay ngày 31/12/2020. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay: 0%. Mục đích vay: Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư xây dựng trang trại nuôi heo mô hình trại lạnh khép kín theo Quyết định chủ trương đầu tư số: 2654/QĐ-UBND tỉnh Tây Ninh ngày 29/10/2020.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

(5): Khoản cho vay Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1 theo hợp đồng vay ngày 31/12/2020. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay: 0%. Mục đích vay: Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư xây dựng trang trại nuôi heo mô hình trại lạnh khép kín theo Quyết định chủ trương đầu tư số: 1580/QĐ-UBND tỉnh Tây Ninh ngày 24/07/2020.

(6): Khoản cho vay Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 2 theo hợp đồng vay ngày 31/12/2020. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay: 0%. Mục đích vay: Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư xây dựng trang trại nuôi heo mô hình trại lạnh khép kín theo Quyết định chủ trương đầu tư số: 1581/QĐ-UBND tỉnh Tây Ninh ngày 24/07/2020.

(7): Khoản cho vay Công ty TNHH Chăn Nuôi Nam An Khánh theo hợp đồng vay ngày 31/12/2020. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay: 0%. Mục đích vay: Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư xây dựng trang trại nuôi heo mô hình trại lạnh khép kín theo Quyết định chủ trương đầu tư số: 2839/QĐ-UBND tỉnh Tây Ninh ngày 19/11/2020.

**b. Phải thu về cho vay dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Đầu Tư Lê Hà (1)	5.572.002.164	-	7.000.000.000	-
Công ty TNHH Chăn Nuôi Phú Thịnh (2)	1.428.965.059	-	2.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thái Sơn Thứ (3)	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương Mại Kim Hội (4)	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Sơn (5)	5.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH chăn nuôi Công Minh Hòa Hội (6)	1.275.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>21.275.967.223</b>	<b>-</b>	<b>17.000.000.000</b>	<b>-</b>

(1) Là khoản cho Công ty TNHH Đầu tư Lê Hà vay theo các hợp đồng sau:

+ Phụ lục PL02/2019/BAF-LH ký ngày 04/01/2019 kèm theo hợp đồng cho thuê tài sản số 0401.2019/BAF-LH ngày 04/01/2019 giữa Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Công ty TNHH Đầu tư Lê Hà. Số tiền cho vay 6.000.000.000 VND. Thời hạn trả gốc và lãi tương ứng 12 quý (từ quý 4/2019 đến quý 3/2022). Lãi suất cho vay: 10,8 %/năm (tính lãi sẽ tính cố định theo tháng là 0,9%/ tháng). Mục đích vay: Hoàn thiện trang trại để bàn giao đưa vào hoạt động. Phương thức trả nợ gốc và lãi vay: Cấn trừ vào tiền thuê trại mà bên BAF phải thanh toán cho bên Lê Hà hàng quý (trừ vào lãi trước và gốc sau).

+ Phụ lục số 03 ký ngày 25/09/2019 kèm theo hợp đồng cho thuê tài sản số 0401.2019/BAF-LH ngày 04/01/2019 giữa Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Công ty TNHH Đầu tư Lê Hà; số tiền vay là 1.000.000.000 VND, thời hạn vay 4 năm từ quý 4 năm 2019 đến quý 4 năm 2023. Lãi suất 1,08 %/tháng (lãi suất cố định trong suốt thời gian vay). Mục đích vay: Nhằm lắp đặt hệ thống xử lý nước sạch cho heo uống và sử dụng sinh hoạt cho toàn trang trại cho thuê. Phương thức trả nợ gốc và lãi vay: Cấn trừ vào tiền thuê trại mà bên BAF phải thanh toán cho bên Lê Hà hàng quý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

(2) Là khoản cho Công ty TNHH Chăn nuôi Phú Thịnh vay theo phụ lục VI ký ngày 24/07/2018 kèm theo hợp đồng số 26/01/BAF-PT2 ngày 26/01/2018 giữa Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Công ty TNHH Chăn nuôi Phú Thịnh; số tiền 2.000.000.000 VND. Thời hạn khoản vay là 36 tháng. Lãi suất 10,8 %/năm (lãi suất cố định trong suốt thời gian vay). Mục đích vay: Đầu tư xây dựng, lắp đặt bổ sung một số hạng mục của trang trại. Phương thức trả nợ gốc và lãi vay: Căn trừ vào tiền thuê trại mà bên BAF phải thanh toán cho bên Phú Thịnh hàng quý.

(3) Là khoản cho Công ty TNHH TMDV Thái Sơn Thụ vay theo hợp đồng vay số 01.07.2020 ngày 01/07/2020, thời hạn vay: 2 năm, lãi suất 8%/năm, mục đích vay: Hỗ trợ hoàn thiện trang trại 2.100 heo nái tại địa chỉ ấp Lễ Trang, xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

(4) Là khoản cho Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hoi vay theo phụ lục V ký ngày 26/04/2019 kèm theo hợp đồng số 01-180419/BAF-KH ngày 18/04/2019 giữa công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hoi; số tiền 4.000.000.000 VND, thời hạn khoản vay 47 tháng bắt đầu từ tháng 5/2019 đến tháng 3/2023. Lãi suất 10,8 %/năm (tính lãi sẽ tính cố định theo tháng là 0,9%/tháng). Mục đích vay: Hoàn thiện trang trại và đưa vào sử dụng. Phương thức trả nợ gốc và lãi vay: Căn trừ vào tiền thuê trại mà bên BAF phải thanh toán cho bên Kim Hoi hàng quý, tính từ Quý 1 năm 2021.

(5) Khoản cho vay Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Sơn theo hợp đồng vay ngày 01/07/2020. Thời hạn vay 30 tháng tính từ ngày 20/09/2020, lãi suất vay: 0%. Mục đích vay: Xây dựng công trình, lắp đặt các thiết bị và xây dựng 01 bể chứa nước sạch 500m<sup>3</sup> cho trang trại.

(6) Khoản cho vay Công ty TNHH chăn nuôi Công Minh Hòa Hội theo hợp đồng vay ngày 26/03/2020. Thời hạn vay 5 năm, lãi suất vay: 8,5%. Mục đích vay: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn tại trang trại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)**6. Phải thu khác****a) Ngân hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>19.255.131.513</i>	-	-	-
Tạm ứng thành viên Ban lãnh đạo (*)	19.255.131.513	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>26.986.413.461</i>	-	<i>3.051.709.736</i>	-
Tiền lãi cho vay	1.841.945.205	-	2.058.351.657	-
Tạm ứng	1.559.995.426	-	390.897.070	-
Đặt cọc thuê trại	-	-	240.000.000	-
Đặt cọc khác	2.600.000	-	12.300.000	-
Đặt cọc tiền chuyển nhượng vốn góp của Ông Phạm Hùng Thắng tại Công ty TNHH Chăn Nuôi Nam An Khánh	4.000.000.000	-	-	-
Đặt cọc tiền chuyển nhượng vốn góp của Ông Phạm Hùng Thắng tại Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	6.000.000.000	-	-	-
Đặt cọc tiền chuyển nhượng vốn góp của Ông Phạm Hùng Thắng tại Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 2	4.500.000.000	-	-	-
Phải thu GENESUS, INC do heo chết Nhập khẩu	5.601.293.725	-	-	-
Phải thu AG WORLD INTERNATIONAL CORP do heo chết nhập khẩu	2.922.349.559	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	558.229.546	-	350.161.009	-
<b>Cộng</b>	<b>46.241.544.974</b>	-	<b>3.051.709.736</b>	-

(\*) Khoản tạm ứng cho ông Nguyễn Đức Thắng – Giám đốc dự án để đàm phán và nhận chuyển nhượng vốn góp từ các thành viên góp vốn tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn. Số tiền tạm ứng là 19.255.131.513 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****b) Dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đặt cọc tiền thuê trại	62.970.000.000	-	64.950.000.000	-
<i>Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thái Sơn Thụ (1)</i>	-	-	7.620.000.000	-
<i>Công ty TNHH Chăn Nuôi Phú Thịnh (2)</i>	11.280.000.000	-	11.280.000.000	-
<i>Công ty TNHH Chăn nuôi Công Minh Hòa Hội (3)</i>	13.440.000.000	-	13.440.000.000	-
<i>Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương Mại Kim Hợi (4)</i>	11.280.000.000	-	11.280.000.000	-
<i>Công ty TNHH Đầu Tư Lê Hà (5)</i>	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Sơn (6)</i>	8.640.000.000	-	3.000.000.000	-
<i>Bà Mai Thị Thuộc (7)</i>	6.030.000.000	-	6.030.000.000	-
<i>Ông Hoàng Việt Hùng</i>	-	-	3.300.000.000	-
<i>Bà Trần Thị Thu Hương (8)</i>	3.300.000.000	-	-	-
Phải thu khác	3.499.400.000	-	3.019.400.000	-
<b>Cộng</b>	<b>66.469.400.000</b>	<b>-</b>	<b>67.969.400.000</b>	<b>-</b>

(1) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo các Hợp đồng thuê tài sản sau:

+Hợp đồng số 0102/2018/HDCTTS ngày 01/02/2018. Thời gian thuê trại từ 01/02/2018 đến 01/07/2030, đặt cọc số tiền 1.620.000.000 VND tương đương 12 tháng thuê trại.

+Hợp đồng số 01/2017/HDCTTS ngày 01/07/2017. Thời gian thuê từ 1/7/2017 đến 1/7/2030, đặt cọc số tiền 6.000.000.000 VND tương đương 12 tháng thuê trại.

Trong năm 2020, Công ty đã thu hồi khoản đặt cọc này do Trang trại chăn nuôi heo của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thái Sơn Thụ không đảm bảo tiêu chuẩn theo thỏa thuận đã ký kết giữa hai bên.

(2) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo hợp đồng thuê tài sản số 26/01/BAF-PT2 ngày 26/1/2018. Thời gian thuê trại là 15 năm kể từ ngày bàn giao, đặt cọc số tiền 11.280.000.000 VND tương đương 12 tháng thuê trại.

(3) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo hợp đồng thuê tài sản số 2017/CM-BAF ngày 10/2017. Thời gian thuê trại là 15 năm kể từ ngày bàn giao, đặt cọc số tiền 13.440.000.000 VND tương đương 12 tháng thuê trại.

(4) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo các Hợp đồng thuê tài sản sau:

+Hợp đồng số 01-180419/BAF-KH ngày 18/04/2019. Thời gian thuê trại 15 năm, đặt cọc số tiền 6.600.000.000 VND.

+Hợp đồng số 02-180419/BAF-KH ngày 18/04/2019. Thời gian thuê trại 15 năm, đặt cọc số tiền 4.680.000.000 VND.

(5) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo hợp đồng thuê tài sản số 0401.2019/BAF-LH ngày 04/1/2019. Thời gian thuê trại là 15 năm kể từ ngày bàn giao, đặt cọc số tiền 9.000.000.000 VND tương đương 12 tháng thuê trại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

(6) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo hợp đồng thuê trại chăn nuôi số 04/10/CNBS/BAFVN-2019 ngày 04/10/2019. Thời gian thuê trại là 15 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng, đặt cọc số tiền 8.640.000.000 VND.

(7) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo các Hợp đồng thuê tài sản sau:  
+Hợp đồng số 01.02/2018HĐCTTS ngày 08/02/2018. Thời gian thuê trại 10 năm kể từ ngày bàn giao, đặt cọc số tiền 2.730.000.000 VND tương đương 6 tháng thuê trại.

+Hợp đồng số 02.07/2017/HĐCTTS ngày 21/06/2017. Thời gian thuê trại 10 năm kể từ ngày 01/09/2017 đến 01/09/2027, đặt cọc số tiền 3.300.000.000 VND tương đương 6 tháng thuê trại.

(8) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo hợp đồng thuê tài sản số 18/5/2019/HĐKT-TH- BAF ngày 18/05/2019. Thời gian thuê trại là 13 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng, đặt cọc số tiền 3.300.000.000 VND tương đương 6 tháng thuê trại.

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.689.422.206	-	16.962.385.340	-
Công cụ, dụng cụ	132.366.416	-	188.245.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	117.003.766.096	-	191.467.965.539	-
Thành phẩm	2.488.425.803	-	3.626.055.571	-
Hàng hóa	848.406.929.352	-	694.692.541.835	-
<b>Cộng</b>	<b>988.720.909.873</b>	<b>-</b>	<b>906.937.193.285</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí trả trước****a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

**b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	5.535.624.323	6.040.171.012
Heo nái, heo nọc	66.854.629.052	23.742.590.474
<b>Cộng</b>	<b>72.390.253.375</b>	<b>29.782.761.486</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	18.822.761.072	23.821.476.888	9.814.877.000	497.621.900	-	52.956.736.860
Tăng TSCĐ từ Xây dựng cơ bản	-	3.657.600.000	-	-	-	3.657.600.000
Mua sắm mới trong năm	1.119.329.828	13.347.760.407	4.027.566.634	1.042.208.547	-	19.536.865.416
Tăng trong năm do chuyển Héo thành TSCĐ từ Xây dựng cơ bản	-	-	-	-	54.166.680.383	54.166.680.383
Tăng trong năm do chuyển Héo thành TSCĐ từ Chi phí trả trước	-	(3.147.329.196)	-	-	904.231.089	904.231.089
Giảm do thanh lý chuồng trại	-	-	-	-	(6.588.259.704)	(3.147.329.196)
Giảm do heo chết	-	-	-	-	(6.588.259.704)	(6.588.259.704)
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.942.090.900</b>	<b>37.679.508.099</b>	<b>13.842.443.634</b>	<b>1.539.830.447</b>	<b>48.482.651.768</b>	<b>121.486.524.848</b>
<i>Tài sản hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng</i>	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	2.497.602.382	3.818.974.511	1.922.816.673	83.723.787	-	8.323.117.353
Khấu hao trong năm	2.278.691.526	3.593.005.470	1.843.816.276	227.716.180	5.759.834.006	13.703.063.458
Giảm do thanh lý chuồng trại	-	(772.232.432)	-	-	-	(772.232.432)
Giảm do heo chết	-	-	-	-	(631.193.962)	(631.193.962)
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.776.293.908</b>	<b>6.639.747.549</b>	<b>3.766.632.949</b>	<b>311.439.967</b>	<b>5.128.640.044</b>	<b>20.622.754.417</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	16.325.158.690	20.002.502.377	7.892.060.327	413.898.113	-	44.633.619.507
<b>Số cuối năm</b>	<b>15.165.796.992</b>	<b>31.039.760.550</b>	<b>10.075.810.685</b>	<b>1.228.390.480</b>	<b>43.354.011.724</b>	<b>100.863.770.431</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Nhãn hiệu, tên thương mại</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	33.000.000	589.750.000	622.750.000
Tăng trong năm		68.926.000	68.926.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>33.000.000</b>	<b>658.676.000</b>	<b>691.676.000</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	16.683.339	185.221.541	201.904.880
Khấu hao trong năm	11.000.004	139.916.676	150.916.680
<b>Số cuối năm</b>	<b>27.683.343</b>	<b>325.138.217</b>	<b>352.821.560</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	16.316.661	404.528.459	420.845.120
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.316.657</b>	<b>333.537.783</b>	<b>338.854.440</b>

**11. Tăng giảm bất động sản đầu tư**

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	15.175.990.712	-	15.175.990.712
Tăng trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>15.175.990.712</b>	<b>-</b>	<b>15.175.990.712</b>

Bất động sản đầu tư của Công ty gồm:

+ Căn hộ chung cư số 1407, diện tích 172,2 m<sup>2</sup> tại Khu D, khu phức hợp Mandarin Garden, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 333969 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 14/11/2017, nguyên giá là 1.065.760.712 VND.

+ Bất động sản đầu tư là sản văn phòng ô số 4, tầng 12A, diện tích 389,7 m<sup>2</sup> tại địa chỉ số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới NI, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 505014 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 07/02/2020, nguyên giá là 14.110.230.000 VND.

Các Bất động sản này Công ty mua với mục đích chờ tăng giá để bán nên không khấu hao.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào		Giảm khác	Số cuối năm
			TSCĐ trong năm	Kết chuyển chi phí trả trước dài hạn		
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>111.473.100.000</b>	<b>189.851.368.427</b>	<b>(54.235.606.383)</b>	<b>(39.073.474.246)</b>	<b>(111.473.100.000)</b>	<b>96.542.287.798</b>
Heo nái	-	99.782.442.427	(54.166.680.383)	(39.073.474.246)	-	6.542.287.798
Phần mềm quản lý	-	68.926.000	(68.926.000)	-	-	-
Khu đất tại Văn Dền, Quảng Ninh (*)	111.473.100.000	-	-	-	(111.473.100.000)	-
Khu đất 136 B Mai Chí Thọ, Khu phố 3, Phường An Phú, Quận 2 thành phố Hồ Chí Minh (**)	-	90.000.000.000	-	-	-	90.000.000.000
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>-</b>	<b>13.235.582.976</b>	<b>(3.657.600.000)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.577.982.976</b>
Hệ thống Silo và đường tải cám	-	5.698.963.760	-	-	-	5.698.963.760
Hệ thống Silo và đường tải cám Trại BP1	-	2.134.178.000	-	-	-	2.134.178.000
Hệ thống Silo và đường tải cám Trại BP2	-	827.085.400	-	-	-	827.085.400
Hệ thống Silo và đường tải cám Trại VT	-	1.571.998.360	-	-	-	1.571.998.360
Hệ thống Silo và đường tải cám Trại BT	-	1.165.702.000	-	-	-	1.165.702.000
Hệ thống trộn Premix và khung thép kho bao	-	990.000.000	-	-	-	990.000.000
Công trình An toàn sinh học	-	3.660.499.841	(3.657.600.000)	-	-	2.899.841
Công trình An toàn sinh học trại BP1	-	853.500.000	(853.500.000)	-	-	-
Công trình An toàn sinh học trại BP2	-	1.583.999.841	(1.581.100.000)	-	-	2.899.841
Công trình An toàn sinh học trại VT1	-	1.223.000.000	(1.223.000.000)	-	-	-
Hệ thống chống sét lan truyền	-	1.552.188.375	-	-	-	1.552.188.375
Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại DLI	-	170.437.778	-	-	-	170.437.778
Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại BD3	-	245.650.075	-	-	-	245.650.075
Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại BP1	-	122.810.100	-	-	-	122.810.100
Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại BP2	-	159.418.870	-	-	-	159.418.870
Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại BT1	-	233.695.407	-	-	-	233.695.407
Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại BT2	-	198.638.589	-	-	-	198.638.589
Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền trại VT1	-	261.363.784	-	-	-	261.363.784

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển chi phí trả trước dài hạn	Giảm khác	Số cuối năm
<i>Lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền tại BP2</i>	-	160.173.772	-	-	-	160.173.772
Xây dựng Công trình trại BP2	-	1.216.720.000	-	-	-	1.216.720.000
Hệ thống nguồn Silo	-	41.201.000	-	-	-	41.201.000
<i>Lắp đặt hệ thống nguồn silo trại VT1</i>	-	29.707.000	-	-	-	29.707.000
<i>Lắp đặt hệ thống nguồn silo trại BP1</i>	-	11.494.000	-	-	-	11.494.000
Thủ công hàng rào bảo vệ khu đất Mai Chi Thọ	-	76.010.000	-	-	-	76.010.000
<b>Sửa chữa lớn TSCĐ</b>	-	<b>782.561.345</b>	-	-	-	<b>782.561.345</b>
Cải tạo Trại VT1	-	782.561.345	-	-	-	782.561.345
<b>Cộng</b>	<b>111.473.100.000</b>	<b>203.869.512.748</b>	<b>(57.893.206.383)</b>	<b>(39.073.474.246)</b>	<b>(111.473.100.000)</b>	<b>106.902.832.119</b>

(\*) Theo Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất 19 tháng 08 năm 2019 (Số công chứng 4411.2019/HDCN, quyển số 09 TP/CC-SCC/HGD) tại Văn phòng Công chứng Hồng Quang giữa Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Ông Hoàng Minh Khanh, Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH792416, số vào sổ cấp GCN: CH00567 do UBND huyện Văn Đồn, Quảng Ninh cấp ngày 14/07/2017 đứng tên Ông Hoàng Minh Khanh, giá trị chuyển nhượng là 111.473.100.000 VND. Đến năm 2020, do không thực hiện được các thủ tục sang tên Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Ông Hoàng Minh Khanh đã hủy bỏ Hợp đồng Chuyển nhượng quyền sử dụng đất này. Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam đã thu hồi lại số tiền nêu trên.

(\*\*) Theo Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và Mua bán nhà ở số 005116 ngày 21 tháng 10 năm 2020 (Số công chứng 005116.2020/MBCN, quyển số 10 TP/CC-SCC/HGD) tại Văn phòng Công chứng Thủ Thiêm giữa Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Vợ chồng Ông Nguyễn Văn Hai và Bà Trần Thị Em, Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam đã mua Khu đất tại địa chỉ 136 B, đường Mai Chi Thọ, Khu phố 3, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 938,8 m<sup>2</sup>. Giá chuyển nhượng mua bán là 103.000.000.000 VND. Đến ngày 04 tháng 01 năm 2021, Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam đã hoàn tất các thủ tục sang tên Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**13. Phải trả người bán****a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>220.000.000</i>	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Bào Ngọc	220.000.000	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>4.527.178.385.111</i>	<i>4.104.526.041.161</i>
Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam	193.033.011.407	442.418.518.572
Công ty Cổ phần Logistics Hong Kong	37.445.568.672	824.261.093.320
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu rau quả	-	205.429.490.540
Công ty Cổ phần CHIPSGOOD - VEGETEXCO	460.485.273.851	523.665.447.752
Công ty Cổ phần kinh doanh thương mại Thịnh Phát	410.855.568.430	-
Công ty Cổ Phần XNK Thủ Công Mỹ Nghệ	505.977.716.870	-
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh và phát triển thương mại Minh Đức	204.953.134.880	-
Công ty Cổ phần Nông sản Caivi Việt Nam	265.227.041.600	-
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp An Điền	191.970.337.500	-
Công ty Cổ phần Otran Logistics	495.213.428.400	-
Công ty Cổ phần Gạo Vì Dân	111.808.684.100	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Sơn Hưng	194.641.918.800	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Tân Mai	149.271.439.260	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao Bì và Xuất nhập Khẩu Hà Nội	136.979.006.320	-
Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần	301.114.071.950	36.281.531.572
Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty Cổ phần	58.412.641.200	540.874.493.899
Công ty Cổ phần Nông sản Bờ biển Ngà	468.332.271.977	428.350.120.770
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp I Hải Phòng	-	289.978.983.120
Công ty TNHH xuất nhập khẩu nông lâm sản Thái Nguyên	235.818.351.500	468.882.027.270
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	-	261.012.318.640
Các nhà cung cấp khác	105.638.918.394	83.372.015.706
<b>Cộng</b>	<b><u>4.527.398.385.111</u></b>	<b><u>4.104.526.041.161</u></b>

**b) Phải trả người bán dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam	-	191.596.183.155
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>191.596.183.155</u></b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>48.988.880.825</i>	<i>272.205.103</i>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thăng	48.323.346.825	-
Các khách hàng khác	665.534.000	272.205.103
<b>Cộng</b>	<b><u>48.988.880.825</u></b>	<b><u>272.205.103</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.720.580	3.113.640	(5.834.220)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	8.890.737.872	2.241.315.374	(11.132.053.246)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.240.051.184	12.114.977.813	(3.722.333.471)	11.632.695.526
Thuế thu nhập cá nhân	-	80.000.000	(80.000.000)	-
Thuế nhà đất	-	500.000.000	(500.000.000)	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	83.501.150	(83.501.150)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.860.458	(3.860.458)	-
<b>Cộng</b>	<b>12.133.509.636</b>	<b>15.026.768.435</b>	<b>(15.527.582.545)</b>	<b>11.632.695.526</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Đối với hoạt động bán sản phẩm chăn nuôi, trồng trọt qua sơ chế cho doanh nghiệp ở khâu thương mại: Không phải kê khai tính nộp thuế GTGT, đối với các hoạt động khác: 10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Căn cứ điểm 5, điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ. Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	-	4.105.650.887
Chi phí khác	1.631.818.604	-
<b>Cộng</b>	<b>1.631.818.604</b>	<b>4.105.650.887</b>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	-	21.704.668
Bảo hiểm y tế	-	12.379.731
Bảo hiểm thất nghiệp	-	8.253.154
Phải trả tiền mua cổ phần Ông Hoàng Văn Định tại Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc	3.000.000.000	-
Phải trả tiền mua cổ phần Ông Phạm Hùng Thắng tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh.	4.200.000.000	-
Phải trả tiền mua cổ phần Ông Phạm Hùng Thắng tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	5.000.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	239.107.922	124.808.589
<b>Cộng</b>	<b>12.439.107.922</b>	<b>167.146.142</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****18. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn Bên liên quan</i>	<i>32.700.000.000</i>	<i>32.700.000.000</i>	-	-
Công TNHH Anh Vũ Phú Yên (1)	32.700.000.000	32.700.000.000	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	-	-	<i>- 1.844.322.869.189</i>	<i>1.844.322.869.189</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	- 1.844.322.869.189	1.844.322.869.189
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Kinh Đô	-	-	- 1.844.322.869.189	1.844.322.869.189
<b>Cộng</b>	<b>32.700.000.000</b>	<b>32.700.000.000</b>	<b>1.844.322.869.189</b>	<b>1.844.322.869.189</b>

(1) Khoản vay Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên theo hợp đồng vay ngày 08/10/2020. Thời hạn vay: 5 tháng, lãi suất 0%. Đến ngày 03 tháng 03 năm 2021, Công ty đã thanh toán 100% số tiền vay từ Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn Bên liên quan	-	33.700.000.000	(1.000.000.000)	32.700.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.844.322.869.189	1.062.551.555.272	(2.906.874.424.461)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.844.322.869.189</b>	<b>1.096.251.555.272</b>	<b>(2.907.874.424.461)</b>	<b>32.700.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

Là khoản vay dài hạn ông Nguyễn Nghĩa theo hợp đồng vay số 01.18/HDV/BAF ngày 28/5/2018, giá trị hợp đồng là 60.000.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 0%/năm. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã tắt toán khoản vay này.

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	59.850.000.000
Số tiền vay phát sinh	-
Số tiền vay trả trong năm	(59.850.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>

**19. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	6.801.415.924	106.801.415.924
Lợi nhuận trong năm trước	-	12.960.204.739	12.960.204.739
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>19.761.620.663</b>	<b>119.761.620.663</b>
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	19.761.620.663	119.761.620.663
Tăng vốn trong năm nay (*)	400.000.000.000	-	400.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	45.944.623.137	45.944.623.137
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>65.706.243.800</b>	<b>565.706.243.800</b>

(\*) Tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 21.07.2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/7/2020 về việc triển khai Phương án phát hành tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 đồng lên 500.000.000.000 đồng

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Bà Bùi Hương Giang	400.000.000.000	80%	80.000.000.000	80%
Bà Vũ Thị Thủy Dung	50.000.000.000	10%	10.000.000.000	10%
Ông Nguyễn Anh Tuấn	50.000.000.000	10%	10.000.000.000	10%
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	50.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán nông sản	12.414.899.999.545	16.862.744.855.565
Doanh thu chăn nuôi	425.547.414.526	425.321.827.277
<b>Cộng</b>	<b><u>12.840.447.414.071</u></b>	<b><u>17.288.066.682.842</u></b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm giá hàng bán	32.092.635	2.727.304
<b>Cộng</b>	<b><u>32.092.635</u></b>	<b><u>2.727.304</u></b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn nông sản	12.288.455.478.292	16.659.971.087.943
Giá vốn chăn nuôi	358.854.740.476	432.398.671.818
<b>Cộng</b>	<b><u>12.647.310.218.768</u></b>	<b><u>17.092.369.759.761</u></b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.393.967.465	6.296.012.242
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	93.622.930	261.957.756
Chiết khấu thanh toán	584.103.229	49.097.008
<b>Cộng</b>	<b><u>4.071.693.624</u></b>	<b><u>6.607.067.006</u></b>

**5. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	112.128.081.229	174.158.583.403
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.174.713.753	5.253.999.082
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	721.935.013
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	1.848.814.261	-
<b>Cộng</b>	<b><u>118.151.609.243</u></b>	<b><u>180.134.517.498</u></b>

**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.316.995.200	1.036.199.921
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.382.800	138.940.823
Các chi phí khác	150.610.717	99.804.200
<b>Cộng</b>	<b><u>1.478.988.717</u></b>	<b><u>1.274.944.944</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.546.003.250	2.414.398.143
Chi phí vật liệu quản lý	167.239.235	24.108.323
Chi phí đồ dùng văn phòng	519.597.467	390.109.918
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.826.507.955	456.962.688
Thuế, phí và lệ phí	1.470.190.934	798.681.671
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.398.340.365	2.312.688.543
Các chi phí khác	3.327.657.052	1.115.370.205
<b>Cộng</b>	<b><u>14.255.536.258</u></b>	<b><u>7.512.319.491</u></b>

**8. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường	26.897.120	4.205.426.173
Thu nhập khác	988.870.825	506.775.976
<b>Cộng</b>	<b><u>1.015.767.945</u></b>	<b><u>4.712.202.149</u></b>

**9. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại Heo nài chết	5.957.065.742	-
Thuế GTGT không được khấu trừ	-	1.879.402.977
Chi phí khác	289.763.327	12.024.099
<b>Cộng</b>	<b><u>6.246.829.069</u></b>	<b><u>1.891.427.076</u></b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.114.977.813	3.240.051.184
+ Công ty mẹ	12.114.977.813	3.240.051.184
+ Chi nhánh	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>12.114.977.813</u></b>	<b><u>3.240.051.184</u></b>

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chi phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	159.790.890.379	335.550.577.724
Chi phí nhân công	20.649.077.029	25.745.304.934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.853.980.138	6.360.043.322
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.113.211.387	150.880.809.741
Chi phí khác	6.580.277.307	4.494.487.592
<b>Cộng</b>	<b><u>298.987.436.240</u></b>	<b><u>523.031.223.313</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP****1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Đầu tư vào công ty liên doanh bằng máy móc	-	4.187.307.985
Đầu tư vào Công ty liên doanh bằng hàng hóa	19.640.362.522	-
Cần trừ công nợ phải thu lãi vay và phải trả tiền thuê trại	1.207.912.223	69.049.290

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập thành viên Ban lãnh đạo (VND)		
<i>Bà Bùi Hương Giang</i>	56.625.000	-
<i>Ông Phan Ngọc Ân</i>	61.340.000	-
<i>Ông Nguyễn Anh Tuấn</i>	-	70.000.000
<i>Ông Nguyễn Thanh Hải</i>	28.380.000	-
<i>Bà Dương Thị Hồng Tàn</i>	61.250.000	-
<i>Bà Đỗ Thị Thủy Dung (Miễn nhiệm ngày 21/7/2020)</i>	61.250.000	105.000.000
<i>Ông Nguyễn Bá Vinh (Miễn nhiệm ngày 21/7/2020)</i>	24.500.000	-

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tặng vốn trong năm</b>		
Bà Bùi Hương Giang	320.000.000.000	-
Bà Vũ Thị Thủy Dung	40.000.000.000	-
Ông Nguyễn Anh Tuấn	40.000.000.000	-
<b>Tạm ứng thành viên Ban lãnh đạo</b>		
Ông Nguyễn Đức Thắng- Giám đốc Dự án	19.255.131.513	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan được trình bày tại thuyết minh V.6.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****B. Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Công ty con
Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc	Công ty con
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn Nuôi Minh Thành	Công ty con
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh	Công ty con
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	Công ty con
Myanmar BAF Joint Venture Company Limited	Công ty liên doanh

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên</b>		
Phải trả tiền vay trong năm	33.700.000.000	-
Số tiền vay đã trả trong năm	1.000.000.000	-
Góp vốn trong năm	30.000.000.000	-
<b>Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc</b>		
Phải thu về cho vay	24.595.406.034	-
Thu hồi tiền cho vay	10.339.800.000	-
Phải trả tiền thuê trại	880.000.000	-
Tiền thuê trại đã trả	660.000.000	-
<b>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn Nuôi Minh Thành</b>		
Phải thu về cho vay	46.898.000.000	-
<b>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh</b>		
Phải thu về cho vay	2.400.000.000	-
<b>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh</b>		
Phải thu về cho vay	1.800.000.000	-
<b>Myanmar BAF Joint Venture Company Limited</b>		
Đầu tư bằng tiền	-	9.066.641.909
Đầu tư bằng máy móc thiết bị	-	4.187.307.985
Đầu tư vào Công ty liên doanh bằng hóa	19.640.362.522	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.2; V.5; V.13; V.18.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### **2. Thông tin về bộ phận**

##### **A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

**Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:**

+ Lĩnh vực thương mại

+ Lĩnh vực chăn nuôi

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực chăn nuôi</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	12.414.899.999.545	425.515.321.891	12.840.415.321.436
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>12.414.899.999.545</b>	<b>425.515.321.891</b>	<b>12.840.415.321.436</b>
Chi phí bộ phận	(12.288.455.478.292)	(358.854.740.476)	(12.647.310.218.768)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	126.444.521.253	66.660.581.415	193.105.102.668
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(15.734.524.975)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			177.370.577.693
Doanh thu hoạt động tài chính			4.071.693.624
Chi phí tài chính			(118.151.609.243)
Thu nhập khác			1.015.767.945
Chi phí khác			(6.246.829.069)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(12.114.977.813)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>45.944.623.137</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>243.541.233.116</b>	<b>243.541.233.116</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>(29.550.586.358)</b>	<b>(29.550.586.358)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực chăn nuôi</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.346.493.488.066	560.385.131.917	4.906.878.619.983
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	295.122.940.197
<b>Tổng tài sản</b>			<b>5.202.001.560.180</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.557.051.273.905	33.167.810.635	4.590.219.084.540
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	46.076.231.840
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>4.636.295.316.380</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	5.768.162.969.376	365.607.604.218	6.133.770.573.594
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	203.959.783.591
<b>Tổng tài sản</b>			<b>6.337.730.357.185</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.266.819.197.740	29.575.231.679	4.296.394.429.419
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	1.921.574.307.103
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>6.217.968.736.522</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### **B, Thông tin về khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### **3. Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### **A, Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

#### **B, Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của

Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	32.700.000.000	-	-	32.700.000.000
Phải trả người bán	4.527.398.385.111	-	-	4.527.398.385.111
Các khoản phải trả khác	15.575.354.918	-	-	15.575.354.918
<b>Cộng</b>	<b>4.575.673.740.029</b>	-	-	<b>4.575.673.740.029</b>

<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	1.844.322.869.189	59.850.000.000	-	1.904.172.869.189
Phải trả người bán	4.104.526.041.161	191.596.183.155	-	4.296.122.224.316
Các khoản phải trả khác	5.267.928.278	-	-	5.267.928.278
<b>Cộng</b>	<b>5.954.116.838.628</b>	<b>251.446.183.155</b>	-	<b>6.205.563.021.783</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**C, Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.411.278.258	29.482.879.719	7.411.278.258	29.482.879.719
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.000.000.000	11.130.000.000	14.000.000.000	11.130.000.000
Phải thu khách hàng	3.513.015.978.086	5.071.731.428.383	3.513.015.978.086	5.071.731.428.383
Các khoản cho vay	91.009.573.257	17.000.000.000	91.009.573.257	17.000.000.000
Các khoản phải thu khác	112.797.602.976	71.107.767.853	112.797.602.976	71.107.767.853
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	162.775.373.155	14.983.824.894	162.775.373.155	14.983.824.894
<b>Cộng</b>	<b>3.901.009.805.732</b>	<b>5.215.435.900.849</b>	<b>3.901.009.805.732</b>	<b>5.215.435.900.849</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	32.700.000.000	1.904.172.869.189	32.700.000.000	1.904.172.869.189
Phải trả người bán	4.527.398.385.111	4.296.122.224.316	4.527.398.385.111	4.296.122.224.316
Các khoản phải trả khác	15.575.354.918	5.267.928.278	15.575.354.918	5.267.928.278
<b>Cộng</b>	<b>4.575.673.740.029</b>	<b>6.205.563.021.783</b>	<b>4.575.673.740.029</b>	<b>6.205.563.021.783</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Năm 2019, Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam đã chuyển 111.473.100.000 VND thanh toán tiền mua Bất động sản, số tiền này đã được phản ánh vào dòng tiền Chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác (chỉ tiêu 21). Tuy nhiên đến năm 2020, do không thực hiện được các thủ tục sang tên Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, Công ty đã thu hồi lại toàn bộ số tiền nêu trên (tham chiếu thuyết minh số V.12). Do đó, Công ty thực hiện phân loại lại dòng tiền Chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác sang Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh. Cụ thể như sau:


	Mã số	Số liệu theo BCTC đã kiểm toán	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu theo BCTC riêng sau điều chỉnh
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp</b>				
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(111.473.100.000)	(111.473.100.000)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(131.259.429.911)	111.473.100.000	(19.786.329.911)

Lập ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

  
Trần Quốc Đạt

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc



  
Bùi Hương Giang